TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226/2018/DS-PT
Ngày: 21 - 11 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 220/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Quách Văn H , sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện U , tỉnh Cà Mau.

Bà Quách Thị Đ , sinh năm 1946 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã K, huyện U , tỉnh Cà Mau.

Bà Quách Thị T , sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Z, xã K, huyện U , tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Hữu Ngh , sinh năm 1964 (có mặt).

Bà Nguyễn Bé H , sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện U , tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1.Ủy ban nhân dân huyện U (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm Z, thị trấn U , huyện U , tỉnh Cà Mau.

2. Bà Quách Thị H (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã N, huyện U , tỉnh Cà Mau.

3. Bà Quách Thị X , sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm Y, thị trấn U , huyện U , tỉnh Cà Mau.

4. Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1977 (có mặt).

5. Chị Đỗ Huệ Qu , sinh năm 1991 (vắng mặt).

6. Chị Đỗ Duy L , sinh năm 1997 (vắng mặt).

7. Anh Đỗ Hữu D , sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện U , tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Ông Quách Văn H , bà Quách Thị Đ , bà Quách Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Quách Văn H trình bày: Trước đây cha, mẹ ông là ông Quách Văn T, bà Huỳnh Thị N được ông, bà nội ông cho phần đất diện tích 17.800m^2, tọa lạc tại ấp X, xã N, huyện U . Năm 1962 mẹ ông qua đời, đến năm 1975 cha ông qua đời. Năm 1978, ông phạm tội giết người nên bỏ trốn sau đó bị bắt chấp hành án tại tỉnh Đồng Tháp với thời gian 20 năm tù, trong thời gian ông chấp hành án thì vợ ông bỏ nhà đi hiện nay không biết tung tích và địa chỉ. Lúc đó, cô ông là bà Quách Thị N, bà Quách Thị H và chị ruột ông bà Quách Thị X tự ý lấy phần đất của ông ủy quyền cho ông Ngh, bà Bé H cất nhà ở cho đến nay. Khi ông chấp hành án xong về nhà thì ông với thân tộc cùng với ông Ngh, bà Bé H họp thống nhất chia đôi phần đất, ông quản lý 01 phần, ông Ngh, bà Bé H quản lý 01 phần, nhưng hiện nay giữa ông với vợ chồng ông Ngh, bà Bé H phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng ông Ngh kiếm chuyện chửi mắng ông nhiều lần. Do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ngh, bà Bé H trả lại phần đất theo đo đạc thực tế với diện tích 8.360,6m^2 cho các anh chị em ông, đồng thời các anh chị em ông không yêu cầu Tòa án chia thừa kế.

Nguyên đơn, bà Quách Thị Đ trình bày: Trước đây phần đất tranh chấp là của ông bà nội bà cho cha mẹ bà là cụ Quách Văn T, cụ Huỳnh Thị N , nhưng do cha, mẹ bà chết nên ông H sống chung với ông bà nội, đến năm 1978 thì ông H bị bắt đi chấp hành án tại tỉnh Đồng Tháp, khi đó vợ của ông H cũng bỏ nhà đi nên phần đất tranh chấp không có người trông coi. Lúc đó, em bà là Quách Thị X cùng với 02 người cô là bà Quách Thị N, bà Quách Thị H họp lại để giao phần đất của gia đình bà cho cháu là ông Ngh, bà Bé H quản lý, canh tác nhưng không cho bà hay. Đến khi ông Quách Văn H chấp hành án xong về nhà vào năm 2013 thì thân tộc họp thống nhất chia đôi phần đất ông Ngh, bà Bé H đang quản lý làm hai phần. Ông H quản lý 01 phần, ông Ngh, bà Bé H quản lý 01 phần, nhưng hiện nay giữa ông H với vợ chồng ông Ngh, bà Bé H phát sinh mâu thuẫn. Do đó bà yêu cầu Tòa

án giải quyết buộc vợ chồng ông Ngh, bà Bé H trả lại phần đất theo đo đạc thực tế với diện tích 8.360,6m^2 cho các chị em bà, đồng thời các anh chị em bà không yêu cầu Tòa án chia thừa kế.

Nguyên đơn, bà Quách Thị T trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của bà Quách Thị Đ và ông Quách Văn H , bà không trình bày gì thêm. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ngh, bà Bé H trả lại phần đất theo đo đạc thực tế với diện tích 8.360,6m^2 cho các chị em bà, đồng thời các anh chị em bà không yêu cầu Tòa án chia thừa kế.

Bị đơn, ông Đỗ Hữu Ngh trình bày: Năm 1999 thân tộc gia đình gồm bà Quách Thị N, bà Quách Thị H , bà Quách Thị X họp lại cho phần đất của ông, bà để lại cho vợ chồng ông quản lý, cải tạo và sử dụng phần đất diện tích 17.800m^2 tại ấp X, xã N, huyện U . Sau khi được thân tộc giao đất thì vợ chồng ông về sinh sống trên phần đất này đến năm 2013 thì ông H về đòi lại đất, khi đó thân tộc hai bên họp thống nhất chia đôi phần đất tranh chấp thành 02 phần, 01 phần vợ chồng ông quản lý, 01 phần ông H quản lý cất nhà ở. Ông đã thuê xáng cuốc múc bờ ranh để chia đôi phần đất. Phần đất ông được chia ông đã tiếp tục cải tạo và sử dụng cùng với vợ là Nguyễn Bé H và các con ông là Đỗ Huệ Qu , Đỗ Duy L và Đỗ Hữu D cho đến nay. Do ông H được chia ½ diện tích đất trên phần đất ông đã cải tạo xong từ nguồn tiền ông vay Ngân hàng để cải tạo đất nên ông yêu cầu ông H trả lại cho ông số tiền vay ngân hàng chính sách xã hội là 11.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10 tháng 12 năm 2013 đến nay với số tiền 2.100.000 đồng, tiền ông đóng cho cơ quan thi hành án 1.500.000 đồng, tiền đầu tư cải tạo, thả tôm giống là 2.500.000 đồng, tổng cộng ông yêu cầu ông H trả cho ông số tiền 17.100.000 đồng. Đối với phần đất tranh chấp thì ông yêu cầu giữ nguyên theo biên bản thỏa thuận ngày 10 tháng 12 năm 2013.

Bị đơn bà Nguyễn Bé H trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của chồng bà là ông Đỗ Hữu Ngh , bà không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị X trình bày: Do trước đây ông H đi biệt tích, khi đó ông bà nội bà bệnh không người nuôi nên bà nuôi, khi đó ông bà nội bà giao phần đất tranh chấp cho bà để bà giao lại cho người nào thờ cúng. Sau khi ông bà nội bà qua đời thì thân tộc gồm 02 người cô là bà Quách Thị N, bà Quách Thị H họp lại cho phần đất tranh chấp cho vợ chồng Đỗ Hữu Ngh , Nguyễn Thị Bé H vào năm 1999. Sau khi ông H chấp hành án xong về nhà vào năm 2013 thì thân tộc đã họp chia đôi phần đất ông Ngh và bà Bé H đang quản lý sử dụng thành 02 phần, ông H quản lý 01 phần, vợ chồng ông Ngh, bà Bé H quản lý 01 phần nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo sự thỏa thuận trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu T trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của chồng bà là ông Quách Văn H , bà không trình bày bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Hữu D trình bày: Gia đình anh đã sinh sống ổn định và canh tác trên phần đất tranh chấp đã hơn 20 năm. Do đó ông H yêu cầu gia đình anh trả lại phần đất thì anh không đồng ý, anh yêu cầu mỗi bên quản lý sử dụng phần đất của mình theo như thỏa thuận trước đây.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị H trình bày: Khi thân tộc họp làm giấy ủy quyền và biên bản họp thân tộc ngày 30/11/1999 thì bà không có tham gia nhưng bà có ký tên vào 02 biên bản trên, vì khi đó bà ký vào biên bản để cho vợ chồng ông Ngh, bà Bé H có chổ ở để trông coi vườn, đất nhưng bà không ký tên để cho đất vợ chồng ông Nghị, bởi vì phần đất trên là của ông H nên các con của ông H mới có quyền quyết định. Hiện nay chị bà là Quách Thị N đã chết, do đó đối với phần đất tranh chấp bà không có yêu cầu gì, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện U trình bày: Do phần đất tranh chấp giữa ông H, bà Đ, bà T với ông Ngh, bà Bé H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đang tranh chấp nên Ủy ban nhân dân huyện thống nhất theo kết quả giải quyết của Tòa án, khi nào bản án có hiệu lực pháp luật thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ căn cứ vào bản án để cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn H , bà Quách Thị Đ , bà Quách Thị T về việc yêu cầu ông Đỗ Hữu Ngh , bà Nguyễn Bé H trả phần đất có diện tích 8.360,6 m^2. Đất có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Minh Qu dài 230,3 mét.

+ Phía Tây giáp đất ông Quách Văn H dài 228,5 mét.

+ Phía Nam giáp Rạch T dài 35,8 mét.

+ Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Minh Qu dài 30 mét.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đỗ Hữu Ngh , bà Nguyễn Bé H về việc yêu cầu ông Quách Văn H trả số tiền 17.100.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, lãi suất do chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 nguyên đơn là ông Quách Văn H , bà Quách Thị Đ , bà Quách Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của các nguyên đơn và xin được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng, năm 2013 thân tộc có họp phân chia phần đất của ông Ngh đang quản lý thành hai phần, ông Ngh một phần và ông H một phần. Phần đất của ông H đã được ông Ngh giao đất và ông đã nhận đất canh tác từ năm 2013 đến nay, còn phần đất ông Ngh hiện đang quản lý và sử dụng hiện nay theo đo đạc là 8.360,6m^2 nhưng do trong thời gian sử dụng đất, ông Ngh thường xuyên gây mâu thuẫn với ông H , nên ông H không đồng ý chia đất cho ông Nghị. Ông H cho rằng khi họp thân tộc ngày 10/12/2013 chia đất thì không có mặt ông H nên ông H không có ký tên vào biên bản họp thân tộc do ông Ngh cung cấp. Tại cấp sơ thẩm, ông H không biết biên bản do ông Ngh cung cấp cho Tòa án nhưng cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản này để không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của ông H nên ông H không đồng ý. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H được xem biên bản họp thân tộc và không thừa nhận có ký tên và viết tên vào biên bản họp thân tộc ngày 10/12/2013 nên ông H yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết, ông H cam kết nếu chữ viết và chữ ký là của ông thì ông chịu toàn bộ chi phí giám định và không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đ và bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không tranh luận.

Ông Ngh tranh luận cho rằng, ông đã quản lý giữ gìn và cải tạo toàn bộ phần đất do thân tộc đã giao lại cho ông quản lý và sử dụng từ năm 1999. Lý do đất của ông H nhưng ông H bỏ trốn do phạm tội nên không có người trông coi. Ông đã quản lý và sử dụng đất đến năm 2013, ông H chấp hành án xong trở về đòi lại đất thì thân tộc đã họp trong đó có ông H . Ông H đã thống nhất chia cho ông ½ diện tích đất ông đang quản lý do ông có công giữ gìn và cải tạo đất, ông H ½ diện tích đất, phần đất ông H , ông đã giao cho ông H vào năm 2013 và ông H đã canh tác cho đến nay. Hiện nay, hai phần đất đã có bờ bao và phân ranh, ông và vợ ông cùng các con ông tiếp tục tiếp tục quản lý sử dụng cho đến nay theo diện tích đo đạc là 8.360,6m^2 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo biên bản họp thân tộc ngày 10/12/2013 là do ông H ký và viết tên nên ông chấp nhận yêu cầu của ông H về việc giám định chữ ký và chữ viết tên của ông H .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn là ông H , Bà Đ và bà T . Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Quách Văn H , bà Quách Thị Đ , bà Quách Thị T , Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp hiện nay các đương sự đều thừa nhận có nguồn gốc của ông bà nội các nguyên đơn qua

đời để lại. Toàn bộ diện tích đất theo đo đạc thực tế ngày 31/10/2017 là 17.048m^2. Ông H thừa nhận toàn bộ phần đất trên ông H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông H canh tác đến năm 1978, ông H phạm tội giết người và bỏ trốn, vợ ông H bỏ nhà đi nên phần đất của ông do bà Quách Thị X quản lý sử dụng đến năm 1999 thì thân tộc có họp và thống nhất giao toàn bộ phần đất trên cho ông Ngh và bà Bé H cất nhà ở để giữ gìn đất. Việc này các đương sự thừa nhận có ký tên vào giấy tay ngày 30/11/1999. Ông Ngh và bà Bé H đã quản lý cải tạo, gìn giữ và và sử dụng đến năm 2013, ông H chấp hành án 20 năm tù trở về thì ông H có đòi lại đất và thân tộc cùng ông H cũng đã thống nhất chia đôi phần đất 17.048m^2 ra làm 02 phần, ông H được chia một phần với diện tích 8.687,4m^2 và ông Ngh được chia một phần với diện tích 8.360,6m^2. Phần đất ông H được chia, ông Ngh đã giao cho ông H quản lý sử dụng từ năm 2013 đến nay không tranh chấp được ông H thừa nhận, phần đất của ông Ngh được chia là 8.360,6m^2 thì ông Ngh và bà Bé H tiếp tục quản lý và sử dụng cho đến nay nhưng ông H cho rằng do có mâu thuẫn nên ông H khởi kiện ông Ngh để đòi lại toàn bộ diện tích đất 8.360,6m^2 do ông Ngh và bà Bé H đang quản lý.

[2] Xét thấy, Ông H và ông Ngh đều thừa nhận khi họp thân tộc năm 2013 để chia đôi phần đất cho ông H và ông Ngh thì có lập biên bản vào ngày 10/12/2013 nhưng hiện nay ông H không thừa nhận có ký tên vào biên bản họp thân tộc. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 03/10/2018, ông H và ông Ngh yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa để giám định chữ ký và chữ viết tên của ông H trong biên bản họp thân tộc ngày 10/12/2013. Hội đồng xét xử thống nhất tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết tên của ông H tại biên bản họp thân tộc ngày 10/12/2013 do ông Ngh cung cấp. Tại kết luận giám định số 139/GĐ-2018 ngày 24/10/2018 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cà Mau đã kết luận chữ ký và chữ viết tên trong biên bản họp thân tộc ngày 10/12/2013 so với chữ ký và chữ viết tên của ông H có trong hồ sơ vụ án là cùng một người viết và ký ra. Do đó ông H không thừa nhận việc phân chia đất theo biên bản họp thân tộc là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét thấy, theo biên bản họp thân tộc ngày 10/12/2013, ông H đã thống nhất giao ½ diện tích đất cho ông Ngh và bà Bé H quản lý sử dụng với diện tích 8.360,6m^2. Ông H nhận ½ diện tích đất do ông Ngh giao lại với diện tích 8.687,4m^2. Phần đất của ông Ngh được chia ông Ngh và bà Bé H cùng các con là chị Đỗ Huệ Qu , anh Đỗ Hữu D , chị Đỗ Duy L đã cải tạo, đầu tư, quản lý sử dụng ổn định. Do đó, hiện nay ông H, bà Đ, bà T yêu cầu ông Ngh, bà Bé H trả phần đất diện tích 8.360,6m^2 là không có cơ sở chấp nhận. Cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H , bà T và bà Đ là có cơ sở.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H , Bà Đ và bà T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng của mình về việc yêu cầu ông Ngh trả lại đất nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H , Bà Đ và bà T về việc xin miễn nộp tiền án phí. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không có đơn đề nghị miễn án phí, nêp cấp sơ thẩm không miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H Bà Đ và bà T có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do ông H và bà Đ là người cao tuổi theo luật người cao tuổi nên ông H và bà Đ được miễn án phí. Riêng bà T không phải là người cao tuổi nên bà T phải chị án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí giám định chữ ký và chữ viết của ông H yêu cầu, ông H đã dự nộp xong ông H tự chịu.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Ông H , bà Đ được miễn, bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Quách Văn H , bà Quách Thị Đ về phần án phí.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Quách Thị T .

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U .

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn H , bà Quách Thị Đ , bà Quách Thị T về việc yêu cầu ông Đỗ Hữu Ngh , bà Nguyễn Bé H trả phần đất có diện tích 8.360,6 m^2. Đất tọa lạc tại ấp X, xã N, huyện U , tỉnh Cà Mau có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Minh Qu dài 230,3 mét.

+ Phía Tây giáp đất ông Quách Văn H dài 228,5 mét.

+ Phía Nam giáp Rạch T dài 35,8 mét.

+ Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Minh Qu dài 30 mét.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đỗ Hữu Ngh , bà Nguyễn Thị Bé H về việc yêu cầu ông Quách Văn H trả số tiền 17.100.000 đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách Văn H , bà Quách Thị Đ không phải nộp. Ngày 09 tháng 3 năm 2017 ông H, bà Đ, bà T đã dự nộp số tiền 8.900.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011275 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U , tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Bà Quách Thị T phải nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U .

Ông Đỗ Hữu Ngh , bà Nguyễn Thị Bé H phải nộp 855.000 đồng, ngày 01 tháng 9 năm 2017 ông Ngh, bà Bé H đã dự nộp số tiền 435.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U , tỉnh Cà Mau theo biên lai thu tiền số 0011571 được đối trừ. Ông Ngh, bà Bé H phải tiếp tục nộp tiếp số tiền 420.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Quách Văn H , bà Quách Thị Đ không phải nộp. Bà Quách Thị T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 23/7/2018 ông H, bà Đ, bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012113 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U ;
- Chi cục THADS huyện U ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Bùi Thị Phương Loan